

Số: 12/2022/NQ-HĐND

Bắc Ninh, ngày 09 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Về việc quy định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2023-2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 10**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 70/2022/QH15 ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương năm 2023;

Xét Tờ trình số 515/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc ban hành quy định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2023-2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nghị quyết này quy định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2023-2025.

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo)

Đối với các khoản thu tiền chậm nộp ngân sách địa phương được hưởng và được hạch toán riêng theo từng tiểu mục thực hiện phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu tương ứng với từng khoản thu phát sinh tiền chậm nộp. Riêng các khoản chậm nộp thuế thu nhập cá nhân, ngoài phần điều tiết ngân sách trung ương, còn lại điều tiết ngân sách cấp tỉnh.

Trường hợp các nội dung thu mới phát sinh trên các địa bàn mà chưa có tỷ lệ phân chia hoặc các khoản thu không gắn mã địa bàn phù hợp thì ngoài phần điều tiết ngân sách trung ương (nếu có), phần còn lại điều tiết ngân sách cấp tỉnh.

Trường hợp đặc biệt có phát sinh nguồn thu từ dự án mới đi vào hoạt động trong thời kỳ ổn định ngân sách làm ngân sách địa phương tăng thu lớn thì Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tỷ lệ phân chia theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này. Hàng năm, báo cáo kết quả thực hiện tại kỳ họp thường lệ cuối năm của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh khoá XIX, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023./.

Nơi nhận:

- UBND, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp;
- Cục K.tra VBQPPL - Bộ T.Pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh uỷ, HĐND, UBND, MTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh, các Đại biểu HĐND tỉnh;
- VKSND, TAND tỉnh;
- VP: Tỉnh uỷ, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Đảng ủy Khối CCQ&DN tỉnh;
- Huyện uỷ, Thành uỷ;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo, Đài PTTH, Công TTĐT tỉnh, Báo BN, TTXVN tại Bắc Ninh,
- VP: CVP, phòng CT.HĐND, lưu VT

CHỦ TỊCH



Nguyễn Quốc Chung



Phụ lục 01

CÁC KHOẢN THU NGÂN SÁCH CÁC CẤP HƯỞNG 100%

(Kèm theo Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

I	Các khoản thu ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%
1	Thu tiền cho thuê nhà và bán nhà thuộc sở hữu Nhà nước
2	Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu
3	Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho Ngân sách cấp tỉnh
4	Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện, trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu thì được phép trích lại một phần hoặc toàn bộ, phần còn lại thực hiện nộp ngân sách theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và quy định khác của pháp luật có liên quan
5	Lệ phí do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện thu
6	Lệ phí môn bài khu vực doanh nghiệp nhà nước trung ương, khu vực nhà nước địa phương, doanh nghiệp đầu tư nước ngoài
7	Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, cấp quyền khai thác tài nguyên nước (ngoài phần điều tiết ngân sách trung ương)
9	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu Nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp tỉnh xử lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật
10	Các khoản thu khác nộp ngân sách cấp tỉnh: thu bán tài sản nhà nước, kể cả thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý, trừ các đơn vị sự nghiệp thực hiện chế độ tự chủ tài chính; thu hồi các khoản chi năm trước và các khoản thu khác nộp ngân sách tỉnh do các đơn vị cấp tỉnh nộp
11	Thu từ hoạt động Xổ số kiến thiết
12	Thu chuyển nguồn của ngân sách cấp tỉnh năm trước sang năm sau
13	Thu kết dư ngân sách cấp tỉnh
14	Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật cho ngân sách cấp tỉnh
15	Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho tỉnh
16	Thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương
17	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước các doanh nghiệp tỉnh Cục Thuế quản lý thu

18	Thu tiền sử dụng đất từ dự án đất đối ứng để thanh toán vốn xây dựng cơ bản theo hình thức hợp đồng BT: Cơ quan nhà nước được ủy quyền thuộc cấp tỉnh
19	Tiền chậm nộp các khoản khác còn lại theo quy định của pháp luật (hạch toán tiểu mục 4944) do Cục Thuế quản lý trực tiếp hạch toán khoản thu (gồm tiền chậm nộp các khoản tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí và lệ phí...)
20	Tiền chậm nộp các khoản khác còn lại theo quy định của pháp luật do ngành khác thuộc cấp tỉnh quản lý (hạch toán tiểu mục 4947)
II	Các khoản thu ngân sách cấp huyện hưởng 100%
1	Lệ phí môn bài thu từ khu vực ngoài quốc doanh, trừ lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh ở xã, phường, thị trấn
2	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước các hộ kinh doanh và doanh nghiệp Chi cục Thuế quản lý thu
3	Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách cấp huyện
4	Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước cấp huyện thực hiện, trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện nộp
5	Lệ phí do các cơ quan nhà nước cấp huyện thực hiện thu
6	Lệ phí trước bạ trừ lệ phí trước bạ nhà, đất
7	Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước cấp huyện thực hiện
8	Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp cho ngân sách cấp huyện
9	Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho huyện
10	Thu chuyển nguồn của ngân sách cấp huyện năm trước sang năm sau
11	Thu kết dư ngân sách cấp huyện
12	Các khoản thu khác nộp ngân sách cấp huyện: thu bán tài sản nhà nước, kể cả thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý, trừ các đơn vị sự nghiệp thực hiện chế độ tự chủ tài chính; thu hồi các khoản chi năm trước và các khoản thu khác nộp ngân sách cấp huyện
13	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu Nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp huyện xử lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật
14	Thu tiền sử dụng đất từ dự án đất đối ứng để thanh toán vốn xây dựng cơ bản theo hình thức hợp đồng BT: Cơ quan nhà nước được ủy quyền thuộc cấp huyện
15	Tiền chậm nộp các khoản khác còn lại theo quy định của pháp luật (hạch toán tiểu mục 4944) do Chi cục Thuế quản lý trực tiếp hạch toán khoản thu (gồm tiền chậm nộp của các khoản tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất nông nghiệp, tiền thuê đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, lệ phí môn bài, phí và lệ phí...).
16	Tiền chậm nộp các khoản khác còn lại theo quy định của pháp luật do ngành khác thuộc cấp huyện quản lý (hạch toán tiểu mục 4947)
III	Các khoản thu ngân sách cấp xã hưởng 100%
1	Lệ phí môn bài thu từ các cá nhân, hộ kinh doanh

2	Thuế tài nguyên
3	Thuế sử dụng đất nông nghiệp
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp
6	Các khoản phí và lệ phí phân nộp ngân sách xã theo quy định của pháp luật do các đơn vị thuộc cấp xã nộp
7	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác
8	Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp xã
9	Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp xã quản lý
10	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp xã xử lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật; thu từ xử lý tài sản tịch thu sung quỹ Nhà nước do các đơn vị cấp xã nộp
11	Dự án đất dân cư dịch vụ (hạch toán tiểu mục 1401, chương 860); đất dôi dư; đất được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất
12	Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các đơn vị cấp xã thực hiện
13	Tiền chậm nộp các khoản khác còn lại theo quy định của pháp luật do ngành khác thuộc cấp xã quản lý (hạch toán tiểu mục 4947)
14	Thu kết dư ngân sách xã
15	Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật cho ngân sách cấp xã thực hiện
16	Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho huyện
17	Thu chuyển nguồn của ngân sách cấp xã năm trước sang năm sau

Phụ lục 02
BẢNG TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ BẮC NINH

(Kèm theo Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)



Xã, phường	Thuế giá trị gia tăng ngoài quốc doanh				Thuế thu nhập doanh nghiệp ngoài quốc doanh				Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ % giữa NSTW và NSDP còn lại (1)				Thuế thu nhập cá nhân						Lệ phí trước bạ nhà đất		Thu tiền sử dụng đất đấu giá, đất giao không qua đấu giá còn lại (2)		Thu tiền sử dụng đất từ đất dự án đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư	
													Từ sản xuất kinh doanh của cá nhân			Chuyển nhượng bất động sản								
	NSTW	NST	NSH	NSX	NSTW	NST	NSH	NSX	NSTW	NST	NSTW	NSH	NSX	NSTW	NSH	NSX	NSTW	NST	NSH	NSX	NST	NSH	NST	NSH
Võ Cường	29	59	10	2	29	53	16	2	29	71	29	70	1	29	59	12	29	71	50	50	6	94	30	70
Vân Dương	29	0	68	3	29	0	67	4	29	71	29	55	16	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Ninh Xá	29	0	69	2	29	0	66	5	29	71	29	6	65	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Đại Phúc	29	0	67	4	29	0	68	3	29	71	29	54	17	29	60	11	29	71	50	50	6	94	30	70
Phong Khê	29	0	64	7	29	0	57	14	29	71	29	26	45	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Thị Cầu	29	0	49	22	29	0	46	25	29	71	29	18	53	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Đáp Cầu	29	0	0	71	29	0	0	71	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Vũ Ninh	29	0	66	5	29	19	10	42	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Nam Sơn	29	0	68	3	29	0	38	33	29	71	29	5	66	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Hoà Long	29	0	33	38	29	0	13	58	29	71	29	5	66	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Hạp Lĩnh	29	0	57	14	29	0	59	12	29	71	29	56	15	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Khắc Niệm	29	0	64	7	29	0	58	13	29	71	29	24	47	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Tiền An	29	0	55	16	29	0	64	7	29	71	29	59	12	29	60	11	29	71	50	50	6	94	30	70
Suối Hoa	29	0	65	6	29	0	64	7	29	71	29	58	13	29	60	11	29	71	50	50	6	94	30	70
Vệ An	29	0	0	71	29	0	0	71	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Kinh Bắc	29	0	68	3	29	0	67	4	29	71	29	57	14	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Kim Chân	29	0	0	71	29	0	0	71	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Vạn An	29	0	18	53	29	0	7	64	29	71	29	24	47	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Khúc Xuyên	29	0	0	71	29	0	0	71	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70

Handwritten signature

Ghi chú: (1) Bao gồm:

- Thuế giá trị gia tăng trừ thuế giá trị gia tăng hàng hóa nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng của doanh nghiệp ngoài quốc doanh, hộ kinh doanh cá thể
- Thuế thu nhập doanh nghiệp trừ thuế thu nhập doanh nghiệp, lãi được chia cho nước chủ nhà, thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp ngoài quốc doanh
- Thuế thu nhập khác của doanh nghiệp gồm thu nợ thuế chuyển thu nhập, thu nhập sau thuế thu nhập
- Thuế tiêu thu đặc biệt từ hàng hóa dịch vụ trong nước
- Thuế bảo vệ môi trường trừ thuế bảo vệ môi trường từ hàng hóa nhập khẩu

(2) Trừ dự án đất dân cư dịch vụ, đất dự án BT, đất dự án đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư. Phần điều tiết về ngân sách cấp huyện được phân bổ:

- Phân bổ kinh phí đầu tư xây dựng hạ tầng của chính dự án (bao gồm cả tiền đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí khác);
- Phần còn lại được phân bổ cho ngân sách cấp huyện, cấp xã:

- + Ngân sách cấp xã 70% để chi đầu tư xây dựng cơ bản nhưng tối đa không quá nhu cầu còn thiếu theo tổng mức đầu tư của các dự án trên địa bàn Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo kế hoạch đầu tư công hàng năm; phần chênh lệch (nếu có) được phân bổ về ngân sách cấp huyện;
- + Ngân sách cấp huyện 30% và phần chênh lệch (nếu có) ở trên. Phần điều tiết ngân sách cấp huyện ưu tiên phân bổ cho các công trình trên địa bàn xã có đất thực hiện dự án

PHỤ LỤC 03
BẢNG TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ TỪ SƠN

(Kèm theo Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)



Xã, phường	Thuế giá trị gia tăng ngoài quốc doanh				Thuế thu nhập doanh nghiệp ngoài quốc doanh				Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ % giữa NSTW và NSEDP còn lại (1)		Thuế thu nhập cá nhân						Lệ phí trước bạ nhà đất		Thu tiền sử dụng đất đấu giá, đất giao không qua đấu giá còn lại (2)			
											Từ sản xuất kinh doanh của cá nhân			Chuyển nhượng bất động sản							Thuế thu nhập cá nhân khác	
	NSTW	NST	NSH	NSX	NSTW	NST	NSH	NSX	NSTW	NST	NSTW	NSH	NSX	NSTW	NSH	NSX	NSTW	NST	NSH	NSX	NST	NSH
Đông Ngàn	29	27	40	4	29	4	62	5	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94
Tân Hồng	29	0	53	18	29	0	53	18	29	71	29	24	47	29	34	37	29	71	50	50	6	94
Đông Ky	29	0	0	71	29	0	0	71	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94
Trang Hạ	29	0	39	32	29	0	40	31	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94
Đình Bảng	29	0	65	6	29	0	65	6	29	71	29	55	16	29	34	37	29	71	50	50	6	94
Đông Nguyên	29	0	69	2	29	0	68	3	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94
Châu Khê	29	0	63	8	29	0	63	8	29	71	29	46	25	29	34	37	29	71	50	50	6	94
Hương Mạc	29	0	0	71	29	0	0	71	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94
Phù Khê	29	0	0	71	29	0	0	71	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94
Tương Giang	29	0	45	26	29	0	45	26	29	71	29	55	16	29	34	37	29	71	50	50	6	94
Phù Chấn	29	0	71	0	29	0	69	2	29	71	29	26	45	29	34	37	29	71	50	50	6	94
Tam Sơn	29	0	0	71	29	0	0	71	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94

Ghi chú: (1) Bao gồm:

- Thuế giá trị gia tăng trừ thuế giá trị gia tăng hàng hóa nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng của doanh nghiệp ngoài quốc doanh, hộ kinh doanh cá thể
- Thuế thu nhập doanh nghiệp trừ thuế thu nhập doanh nghiệp, lãi được chia cho nước chủ nhà, thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp ngoài quốc doanh
- Thuế thu nhập khác của doanh nghiệp gồm thu nợ thuế chuyển thu nhập, thu nhập sau thuế thu nhập
- Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa dịch vụ trong nước
- Thuế bảo vệ môi trường trừ thuế bảo vệ môi trường từ hàng hóa nhập khẩu

(2) Trừ dự án đất dân cư dịch vụ, đất dự án BT, đất dự án đấu thầu chọn nhà đầu tư. Phần điều tiết về ngân sách cấp huyện được phân bổ:

- Phân bổ kinh phí đầu tư xây dựng hạ tầng của chính dự án (bao gồm cả tiền đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí khác);
- Phần còn lại được phân bổ cho ngân sách cấp huyện, cấp xã;

+ Ngân sách cấp xã 70% để chi đầu tư xây dựng cơ bản nhưng tối đa không quá nhu cầu còn thiếu theo tổng mức đầu tư của các dự án trên địa bàn Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo kế hoạch đầu tư công chênh lệch (nếu có) được phân bổ về ngân sách cấp huyện;

+ Ngân sách cấp huyện 30% và phần chênh lệch (nếu có) ở trên. Phần điều tiết ngân sách cấp huyện ưu tiên phân bổ cho các công trình trên địa bàn xã có đất thực hiện dự án

Handwritten signature

Phụ lục 04
BẢNG TỶ LỆ PHÂN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TIỀN ĐƯ
(Kèm theo Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)



Xã, phường	Thuế giá trị gia tăng ngoài quốc doanh				Thuế thu nhập doanh nghiệp ngoài quốc doanh				Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ % giữa NSTW và NSDP còn lại (1)		Thuế thu nhập cá nhân						Lệ phí trước bạ nhà đất		Thu tiền sử dụng đất đấu giá, đất giao không qua đấu giá còn lại (2)		Thu tiền sử dụng đất từ đất dự án đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư				
	NSTW	NST	NSH	NSX	NSTW	NST	NSH	NSX	NSTW	NST	Từ sản xuất kinh doanh của cá nhân				Chuyển nhượng bất động sản		Thuế thu nhập cá nhân khác		NSH	NSX	NST	NSH	NST	NSH	
											NSTW	NST	NSH	NSX	NSTW	NSH	NSX	NSTW							NST
Lim	29	17	22	32	29	27	14	30	29	71	29	1	37	33	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Hoàn Sơn	29	50	20	1	29	39	32	0	29	71	29	0	67	4	29	53	18	29	71	50	50	6	94	30	70
Nội Duệ	29	0	45	26	29	0	48	23	29	71	29	0	46	25	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Liên Bảo	29	0	28	43	29	0	28	43	29	71	29	0	34	37	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Phú Lâm	29	0	47	24	29	0	45	26	29	71	29	0	53	18	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Việt Đoàn	29	0	0	71	29	0	0	71	29	71	29	0	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Hiền Văn	29	0	0	71	29	0	0	71	29	71	29	0	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Phật Tích	29	0	0	71	29	0	4	67	29	71	29	0	69	2	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Mình Đạo	29	0	29	42	29	21	3	47	29	71	29	0	5	66	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Đại Đồng	29	0	50	21	29	0	51	20	29	71	29	0	59	12	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Tri Phương	29	0	46	25	29	0	45	26	29	71	29	0	41	30	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Cánh Hưng	29	0	0	71	29	0	0	71	29	71	29	0	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Tân Chi	29	19	46	6	29	21	41	9	29	71	29	0	14	57	29	23	48	29	71	50	50	6	94	30	70
Lạc Vệ	29	0	55	16	29	0	57	14	29	71	29	0	11	60	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70

Ghi chú: (1) Bao gồm:

- Thuế giá trị gia tăng trừ thuế giá trị gia tăng hàng hóa nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng của doanh nghiệp ngoài quốc doanh, hộ kinh doanh cá thể
- Thuế thu nhập doanh nghiệp trừ thuế thu nhập doanh nghiệp, lãi được chia cho nước chủ nhà, thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp ngoài quốc doanh
- Thuế thu nhập khác của doanh nghiệp gồm thu nợ thuế chuyển thu nhập, thu nhập sau thuế thu nhập
- Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa dịch vụ trong nước
- Thuế bảo vệ môi trường trừ thuế bảo vệ môi trường từ hàng hóa nhập khẩu

(2) Trừ dự án đất dân cư dịch vụ, đất dự án BT, đất dự án đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư. Phần điều tiết về ngân sách cấp huyện được phân bổ:

- Phân bổ kinh phí đầu tư xây dựng hạ tầng của chính dự án (bao gồm cả tiền đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí khác);
- Phần còn lại được phân bổ cho ngân sách cấp huyện, cấp xã;
- + Ngân sách cấp xã 70% để chi đầu tư xây dựng cơ bản nhưng tối đa không quá nhu cầu còn thiếu theo tổng mức đầu tư của các dự án trên địa bàn Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo kế hoạch đầu tư công hàng năm; phần chênh lệch (nếu có) được phân bổ về ngân sách cấp huyện;
- + Ngân sách cấp huyện 30% và phần chênh lệch (nếu có) ở trên. Phần điều tiết ngân sách cấp huyện ưu tiên phân bổ cho các công trình trên địa bàn xã có đất thực hiện dự án

(Handwritten signature)

**BẢNG TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN YÊN PHONG**

(Kèm theo Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)



Xã, phường	Thuế giá trị gia tăng ngoài quốc doanh			Thuế thu nhập doanh nghiệp ngoài quốc doanh			Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ % giữa NSTW và NSDP còn lại (1)		Thuế thu nhập cá nhân						Lệ phí trước bạ nhà đất		Thu tiền sử dụng đất đấu giá, đất giao không qua đấu giá còn lại (2)		Thu tiền sử dụng đất từ đất dự án đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư			
	NSTW	NSH	NSX	NSTW	NSH	NSX	NSTW	NST	Từ sản xuất kinh doanh của cá nhân			Chuyển nhượng bất động sản			Thuế thu nhập cá nhân khác		NST	NSH	NST	NSH		
									NSTW	NSH	NSX	NSTW	NSH	NSX	NSTW	NST					NSH	NSX
Chờ	29	50	21	29	51	20	29	71	29	38	33	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Yên Phú	29	0	71	29	0	71	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Tam Giang	29	0	71	29	0	71	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Hòa Tiến	29	0	71	29	0	71	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Văn Môn	29	11	60	29	17	54	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Đông Tho	29	53	18	29	53	18	29	71	29	20	51	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Trung Nghĩa	29	0	71	29	0	71	29	71	29	46	25	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Đông Tiến	29	47	24	29	48	23	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Yên Trung	29	66	5	29	70	1	29	71	29	48	23	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Dũng Liệt	29	0	71	29	0	71	29	71	29	50	21	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Thụy Hòa	29	0	71	29	0	71	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Tam Đa	29	0	71	29	0	71	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Long Châu	29	44	27	29	41	30	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Đông Phong	29	52	19	29	53	18	29	71	29	49	22	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70

Ghi chú: (1) Bao gồm:

- Thuế giá trị gia tăng trừ thuế giá trị gia tăng hàng hóa nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng của doanh nghiệp ngoài quốc doanh, hộ kinh doanh cá thể
- Thuế thu nhập doanh nghiệp trừ thuế thu nhập doanh nghiệp, lãi được chia cho nước chủ nhà, thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp ngoài quốc doanh
- Thuế thu nhập khác của doanh nghiệp gồm thu nợ thuế chuyển thu nhập, thu nhập sau thuế thu nhập
- Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa dịch vụ trong nước
- Thuế bảo vệ môi trường trừ thuế bảo vệ môi trường từ hàng hóa nhập khẩu

(2) Trừ dự án đất dân cư dịch vụ, đất dự án BT, đất dự án đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư. Phần điều tiết về ngân sách cấp huyện được phân bổ:

- Phân bổ kinh phí đầu tư xây dựng hạ tầng của chính dự án (bao gồm cả tiền đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí khác);
- Phần còn lại được phân bổ cho ngân sách cấp huyện, cấp xã:

+ Ngân sách cấp xã 70% để chi đầu tư xây dựng cơ bản nhưng tối đa không quá nhu cầu còn thiếu theo tổng mức đầu tư của các dự án trên địa bàn Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo kế hoạch đầu tư công hàng năm; phần chênh lệch (nếu có) được phân bổ về ngân sách cấp huyện;

+ Ngân sách cấp huyện 30% và phần chênh lệch (nếu có) ở trên. Phần điều tiết ngân sách cấp huyện ưu tiên phân bổ cho các công trình trên địa bàn xã có đất thực hiện dự án

Phụ lục 06
BẢNG TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN QUẾ VÕ

(Kèm theo Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)



Xã, phường	Thuế giá trị gia tăng ngoài quốc doanh			Thuế thu nhập doanh nghiệp ngoài quốc doanh			Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ % giữa NSTW và NSDP còn lại (1)		Thuế thu nhập cá nhân						Lệ phí trước bạ nhà đất		Thu tiền sử dụng đất đấu giá, đất giao không qua đấu giá còn lại (2)		Thu tiền sử dụng đất từ đất dự án đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư			
									Từ sản xuất kinh doanh của cá nhân			Chuyển nhượng bất động sản			Thuế thu nhập cá nhân khác							
	NSTW	NSH	NSX	NSTW	NSH	NSX	NSTW	NST	NSTW	NSH	NSX	NSTW	NSH	NSX	NSTW	NST	NSH	NSX	NST	NSH	NST	NSH
Chi Lăng	29	0	71	29	0	71	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Đại Xuân	29	0	71	29	0	71	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Nhân Hòa	29	0	71	29	0	71	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Phượng Liễu	29	70	1	29	69	2	29	71	29	48	23	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Việt Hùng	29	37	34	29	39	32	29	71	29	35	36	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Ngọc Xá	29	0	71	29	0	71	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Đào Viên	29	0	71	29	0	71	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Phù Lãng	29	0	71	29	0	71	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Phổ Mới	29	32	39	29	32	39	29	71	29	18	53	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Bằng An	29	5	66	29	9	62	29	71	29	11	60	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Quế Tân	29	0	71	29	0	71	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Phù Lương	29	0	71	29	0	71	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Mộ Đạo	29	0	71	29	0	71	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Hán Quảng	29	0	71	29	0	71	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Đức Long	29	11	60	29	14	57	29	71	29	3	68	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Phượng Mao	29	57	14	29	58	13	29	71	29	5	66	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Yên Giả	29	0	71	29	0	71	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Bồng Lai	29	0	71	29	0	71	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Việt Thống	29	0	71	29	0	71	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Cách Bi	29	0	71	29	0	71	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Châu Phong	29	0	71	29	0	71	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70

Ghi chú: (1) Bao gồm:

- Thuế giá trị gia tăng trừ thuế giá trị gia tăng hàng hóa nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng của doanh nghiệp ngoài quốc doanh, hộ kinh doanh cá thể
- Thuế thu nhập doanh nghiệp trừ thuế thu nhập doanh nghiệp, lãi được chia cho nước chủ nhà, thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp ngoài quốc doanh
- Thuế thu nhập khác của doanh nghiệp gồm thu nợ thuế chuyển thu nhập, thu nhập sau thuế thu nhập
- Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa dịch vụ trong nước
- Thuế bảo vệ môi trường trừ thuế bảo vệ môi trường từ hàng hóa nhập khẩu

(2) Trừ dự án đất dân cư dịch vụ, đất dự án BT, đất dự án đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư. Phần điều tiết về ngân sách cấp huyện được phân bổ:

- Phân bổ kinh phí đầu tư xây dựng hạ tầng của chính dự án (bao gồm cả tiền đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí khác);
- Phần còn lại được phân bổ cho ngân sách cấp huyện, cấp xã:

+ Ngân sách cấp xã 70% để chi đầu tư xây dựng cơ bản nhưng tối đa không quá nhu cầu còn thiếu theo tổng mức đầu tư của các dự án trên địa bàn Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo kế hoạch đầu tư công hàng năm; phần chênh lệch (nếu có) được phân bổ về ngân sách cấp huyện;

+ Ngân sách cấp huyện 30% và phần chênh lệch (nếu có) ở trên. Phần điều tiết ngân sách cấp huyện ưu tiên phân bổ cho các công trình trên địa bàn xã có đất thực hiện dự án

**BẢNG TỶ LỆ PHÂN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN THUẬN THÀNH**

(Kèm theo Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)



Xã, phường	Thuế giá trị gia tăng ngoài quốc doanh			Thuế thu nhập doanh nghiệp ngoài quốc doanh			Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ % giữa NSTW và NSEDP còn lại (1)		Thuế thu nhập cá nhân						Lệ phí trước bạ nhà đất		Thu tiền sử dụng đất đấu giá, đất giao không qua đấu giá còn lại (2)		Thu tiền sử dụng đất từ đất dự án đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư			
									Từ sản xuất kinh doanh của cá nhân			Chuyển nhượng bất động sản									Thuế thu nhập cá nhân khác	
	NSTW	NSH	NSX	NSTW	NSH	NSX	NSTW	NST	NSTW	NSH	NSX	NSTW	NSH	NSX	NSTW	NST	NSH	NSX	NST	NSH	NST	NSH
Mão Điền	29	29	42	29	29	42	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Hoài Thượng	29	0	71	29	0	71	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Song Hồ	29	0	71	29	0	71	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Gia Đông	29	60	11	29	60	11	29	71	29	56	15	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
An Bình	29	60	21	29	53	18	29	71	29	57	14	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Trạm Lộ	29	0	71	29	0	71	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Ninh Xá	29	0	71	29	0	71	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Nghĩa Đạo	29	0	71	29	0	71	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Nguyệt Đức	29	0	71	29	0	71	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Đại Đồng Thành	29	0	71	29	0	71	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Đình Tổ	29	0	71	29	0	71	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Trí Quả	29	0	71	29	0	71	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Thanh Khương	29	50	21	29	67	4	29	71	29	11	60	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Hà Mãn	29	8	63	29	8	63	29	71	29	21	50	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Ngũ Thái	29	0	71	29	0	71	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Xuân Lâm	29	47	24	29	62	9	29	71	29	11	60	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Song Liễu	29	0	71	29	0	71	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Hồ	29	57	14	29	57	14	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70

Ghi chú: (1) Bao gồm:

- Thuế giá trị gia tăng trừ thuế giá trị gia tăng hàng hóa nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng của doanh nghiệp ngoài quốc doanh, hộ kinh doanh cá thể
- Thuế thu nhập doanh nghiệp trừ thuế thu nhập doanh nghiệp, lãi được chia cho nước chủ nhà, thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp ngoài quốc doanh
- Thuế thu nhập khác của doanh nghiệp gồm thu nợ thuế chuyển thu nhập, thu nhập sau thuế thu nhập
- Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa dịch vụ trong nước
- Thuế bảo vệ môi trường trừ thuế bảo vệ môi trường từ hàng hóa nhập khẩu

(2) Trừ dự án đất dân cư dịch vụ, đất dự án BT, đất dự án đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư. Phần điều tiết về ngân sách cấp huyện được phân bổ:

- Phân bổ kinh phí đầu tư xây dựng hạ tầng của chính dự án (bao gồm cả tiền đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí khác);
- Phần còn lại được phân bổ cho ngân sách cấp huyện, cấp xã:

+ Ngân sách cấp xã 70% để chi đầu tư xây dựng cơ bản nhưng tối đa không quá nhu cầu còn thiếu theo tổng mức đầu tư của các dự án trên địa bàn Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo kế hoạch đầu tư

công hàng năm; phần chênh lệch (nếu có) được phân bổ về ngân sách cấp huyện;

+ Ngân sách cấp huyện 30% và phần chênh lệch (nếu có) ở trên. Phần điều tiết ngân sách cấp huyện ưu tiên phân bổ cho các công trình trên địa bàn xã có đất thực hiện dự án

Phụ lục 08
BẢNG TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN GIA BÌNH

(Kèm theo Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)



Xã, phường	Thuế giá trị gia tăng ngoài quốc doanh			Thuế thu nhập doanh nghiệp ngoài quốc doanh			Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ % giữa NSTW và NSDP còn lại (1)		Thuế thu nhập cá nhân						Lệ phí trước bạ nhà đất		Thu tiền sử dụng đất đấu giá, đất giao không qua đấu giá còn lại (2)		Thu tiền sử dụng đất từ đất dự án đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư			
	NSTW	NSH	NSX	NSTW	NSH	NSX	NSTW	NST	Từ sản xuất kinh doanh của cá nhân			Chuyển nhượng bất động sản			Thuế thu nhập cá nhân khác		NSH	NSX	NST	NSH	NST	NSH
									NSTW	NSH	NSX	NSTW	NSH	NSX	NSTW	NST						
Gia Bình	29	17	54	29	10	61	29	71	29	34	37	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Xuân Lai	29	0	71	29	0	71	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Quỳnh Phú	29	0	71	29	0	71	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Đại Bái	29	0	71	29	0	71	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Lãng Ngâm	29	0	71	29	0	71	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Đông Cứu	29	0	71	29	0	71	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Song Giang	29	23	48	29	11	60	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Giang Sơn	29	0	71	29	0	71	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Nhân Thắng	29	0	71	29	0	71	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Đại Lai	29	0	71	29	0	71	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Thái Bảo	29	0	71	29	0	71	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Bình Dương	29	0	71	29	0	71	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Cao Đức	29	0	71	29	0	71	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Vạn Ninh	29	0	71	29	0	71	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70

Ghi chú: (1) Bao gồm:

- Thuế giá trị gia tăng trừ thuế giá trị gia tăng hàng hóa nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng của doanh nghiệp ngoài quốc doanh, hộ kinh doanh cá thể
- Thuế thu nhập doanh nghiệp trừ thuế thu nhập doanh nghiệp, lãi được chia cho nước chủ nhà, thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp ngoài quốc doanh
- Thuế thu nhập khác của doanh nghiệp gồm thu nợ thuế chuyển thu nhập, thu nhập sau thuế thu nhập
- Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa dịch vụ trong nước
- Thuế bảo vệ môi trường trừ thuế bảo vệ môi trường từ hàng hóa nhập khẩu

(2) Trừ dự án đất dân cư dịch vụ, đất dự án BT, đất dự án đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư. Phần điều tiết về ngân sách cấp huyện được phân bổ:

- Phân bổ kinh phí đầu tư xây dựng hạ tầng của chính dự án (bao gồm cả tiền đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí khác);
- Phần còn lại được phân bổ cho ngân sách cấp huyện, cấp xã:

+ Ngân sách cấp xã 70% để chi đầu tư xây dựng cơ bản nhưng tối đa không quá nhu cầu còn thiếu theo tổng mức đầu tư của các dự án trên địa bàn Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo kế hoạch đầu tư công hàng năm; phần chênh lệch (nếu có) được phân bổ về ngân sách cấp huyện;

+ Ngân sách cấp huyện 30% và phần chênh lệch (nếu có) ở trên. Phần điều tiết ngân sách cấp huyện ưu tiên phân bổ cho các công trình trên địa bàn xã có đất thực hiện dự án

Phụ lục 09
BẢNG TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN LƯƠNG TÀI

(Kèm theo Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)



Xã, phường	Thuế giá trị gia tăng ngoài quốc doanh			Thuế thu nhập doanh nghiệp ngoài quốc doanh			Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ % giữa NSTW và NSDP còn lại (1)		Thuế thu nhập cá nhân						Lệ phí trước bạ nhà đất		Thu tiền sử dụng đất đấu giá, đất giao không qua đấu giá còn lại (2)		Thu tiền sử dụng đất từ đất dự án đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư			
	NSTW	NSH	NSX	NSTW	NSH	NSX	NSTW	NST	Từ sản xuất kinh doanh của cá nhân			Chuyển nhượng bất động sản			Thuế thu nhập cá nhân khác		NSTW	NSX	NST	NSH	NST	NSH
									NSTW	NSH	NSX	NSTW	NSH	NSX	NSTW	NST						
Thửa	29	24	47	29	24	47	29	71	29	24	47	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Trung Kênh	29	0	71	29	0	71	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Phù Hòa	29	0	71	29	0	71	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Mỹ Hương	29	0	71	29	0	71	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Tân Lãng	29	0	71	29	0	71	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Lâm Thao	29	0	71	29	0	71	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Lai Hạ	29	0	71	29	0	71	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
An Thịnh	29	0	71	29	0	71	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Trùng Xá	29	0	71	29	0	71	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Trung Chính	29	0	71	29	0	71	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Minh Tân	29	0	71	29	0	71	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Phù Lương	29	0	71	29	0	71	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Bình Định	29	0	71	29	0	71	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70
Quảng Phú	29	0	71	29	0	71	29	71	29	0	71	29	34	37	29	71	50	50	6	94	30	70

Ghi chú: (1) Bao gồm:

- Thuế giá trị gia tăng trừ thuế giá trị gia tăng hàng hóa nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng của doanh nghiệp ngoài quốc doanh, hộ kinh doanh cá thể
- Thuế thu nhập doanh nghiệp trừ thuế thu nhập doanh nghiệp, lãi được chia cho nước chủ nhà, thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp ngoài quốc doanh
- Thuế thu nhập khác của doanh nghiệp gồm thu nợ thuế chuyển thu nhập, thu nhập sau thuế thu nhập
- Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa dịch vụ trong nước
- Thuế bảo vệ môi trường trừ thuế bảo vệ môi trường từ hàng hóa nhập khẩu

(2) Trừ dự án đất dân cư dịch vụ, đất dự án BT, đất dự án đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư. Phần điều tiết về ngân sách cấp huyện được phân bổ:

- Phân bổ kinh phí đầu tư xây dựng hạ tầng của chính dự án (bao gồm cả tiền đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí khác);
- Phần còn lại được phân bổ cho ngân sách cấp huyện, cấp xã:

+ Ngân sách cấp xã 70% để chi đầu tư xây dựng cơ bản nhưng tối đa không quá nhu cầu còn thiếu theo tổng mức đầu tư của các dự án trên địa bàn Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo kế hoạch đầu tư công hàng năm; phần chênh lệch (nếu có) được phân bổ về ngân sách cấp huyện;

+ Ngân sách cấp huyện 30% và phần chênh lệch (nếu có) ở trên. Phần điều tiết ngân sách cấp huyện ưu tiên phân bổ cho các công trình trên địa bàn xã có đất thực hiện dự án